

Số: 151/2018/QĐST-HNGĐ

Đô Lương, ngày 13 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 47/2018/TLST/HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thanh T - sinh năm 1964

Địa chỉ: xóm 6 xã T S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S - sinh năm 1958

Địa chỉ: xóm 6 xã T S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị An Thương sinh ngày 16/3/2012 cho ông Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi. Bà Đỗ Thị Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 (Năm trăm ngàn) đồng kể từ tháng 8 năm 2018 cho đến khi con chung trưởng thành.

Bà T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu bà T lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu

đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì ông S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của bà T.

Ông S cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu không thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Thanh T rút đơn yêu cầu chia tài sản chung. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Đỗ Thị Thanh T chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001825 ngày 07 tháng 3 năm 2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành. Trả lại cho bà Đỗ Thị Thanh T số tiền 5.900.000 (Năm triệu chín trăm ngàn) đồng.

3. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung theo yêu cầu của các đương sự như sau:

Bà Đỗ Thị Thanh T được sở hữu: số tiền gửi tiết kiệm 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng (tiền gốc) tại Quỹ tín dụng nhân dân xã T S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An và số tiền 28.000.000 (Hai mươi tám triệu) đồng giá trị của Hợp đồng bảo hiểm số 2812238952 ngày 29/11/2014 ký kết giữa Công ty TNHH Manulife Việt Nam và bà Đỗ Thị Thanh T;

Ông Nguyễn Văn S được sở hữu số tiền gửi tiết kiệm 161.000.000 (Một trăm sáu mươi một triệu) đồng (tiền gốc) và tiền lãi phát sinh từ tiền gửi tiết kiệm gốc tại Quỹ tín dụng nhân dân xã T S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An và các tài sản khác gồm 01 tủ lạnh Toshiba 150lít, 01 bình nóng lạnh hiệu Rossi 15lít, 01 con bò cái 03 tuổi, 01 máy giặt hiệu LG, 01 máy gặt tay đã cũ, phần giá trị sửa chữa nhà ngang + xây bếp + sửa chữa mái tôn + lát gạch sân thêm và nhà tắm + công trình tự hủy gắn liền trên nhà đất của ông Nguyễn Văn S tại xóm 6 xã Thịnh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Ông S và bà T tự liên hệ trực tiếp với Quỹ tín dụng nhân dân xã T S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An để nhận số tiền gửi tiết kiệm tương ứng với quyền lợi của mỗi bên theo các Sổ tiết kiệm mã số AC 1720258 (số tiền gửi 30.000.000 đồng), AC 1736222 (số tiền gửi 55.000.000 đồng), AC 1720881 (số tiền gửi 70.000.000 đồng), AC 1634042 (số tiền gửi 46.000.000 đồng) do Quỹ tín dụng nhân dân xã TS phát hành đứng tên người gửi là Đỗ Thị Thanh T.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6; 7; 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- UBND xã T S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lưu Thị Hồng Thể